

Số: 993 /STP-VP

V/v tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP và đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Đồng Nai, ngày 27 tháng 7 năm 2015

Kính gửi:

- Phòng chuyên môn và tương đương;
- Đơn vị trực thuộc Sở.

Ngày 10/7/2015, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1704/SKHĐT-TH ngày 08/7/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ và rà soát đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Đồng Nai.

Về việc này, Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu thủ trưởng các phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị trực thuộc Sở tiếp tục tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch số 40/KH-STP ngày 02/6/2015 của Sở Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Giao Phòng quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật tham mưu lãnh đạo Sở thực hiện nghiên cứu, báo cáo giải trình đối với nội dung đánh giá PCI chi tiết của VCCI theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Nội dung Văn bản số 1704/SKHĐT-TH ngày 08/7/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn/>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Thanh tra Sở (theo dõi công vụ);
- Lưu: VT, VP.

KT, GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Minh Thiện

Số: 1704/SKHDT-TH

Đồng Nai, ngày 08 tháng 7 năm 2015

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/03/2015 của Chính phủ và rà soát đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Đồng Nai.

SỔ TƯ PHAP ĐỒNG NAI	
CÔNG	SỐ: 8840
VĂN	NGÀY: 10/7
ĐỀN	CHUYỂN

Kính gửi:

- Lãnh đạo các Sở ban ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TP Biên Hòa, thị xã Long Khánh.

Ngày 13/3/2015 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2 năm 2015-2016, trên cơ sở đó UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch số 4551/KH-UBND ngày 16/6/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó giao các đơn vị cản cứ nhiệm vụ được phân công triển khai kế hoạch trên; Đồng thời UBND tỉnh Đồng Nai ban hành văn bản số 4509/UBND-ĐT ngày 16/6/2015 về việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và chỉ số PCI của tỉnh, trong đó giao các đơn vị liên quan rà soát chi tiết kết quả điểm số PCI của tỉnh, đặc biệt lưu ý các chỉ số thành phần có số điểm thấp, đánh giá mức độ phù hợp, phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp khắc phục để nâng cao chỉ số PCI trong thời gian tới, kết quả báo cáo UBND tỉnh trong tháng 6/2015, nhưng đến nay chỉ có Cục Hải quan có ý kiến (nhưng chưa đi sâu phân tích các chỉ số thành phần có liên quan), các đơn vị khác chưa có ý kiến.

Để có thông tin tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các đơn vị khẩn trương báo cáo với các nội dung sau đây:

I. Đối với việc triển khai Kế hoạch số 4551/KH-UBND ngày 16/6/2015 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ:

1. Căn cứ kế hoạch số 4551/KH-UBND ngày 16/6/2015 của UBND tỉnh, đề nghị lãnh đạo các Sở ban ngành, UBND các huyện, TP Biên Hòa, thị xã Long Khánh rà soát việc xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của đơn vị mình, nếu chưa xây dựng kế hoạch hành động thì khẩn trương xây dựng gởi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Riêng đối với các đơn vị dưới đây, ngoài việc rà soát việc xây dựng kế hoạch hành động, đề nghị báo cáo bổ sung làm rõ các thông tin sau :

- Sở Khoa học và Công nghệ phân tích, đánh giá trình độ ứng dụng khoa học công nghệ, cải tiến công nghệ trong các doanh nghiệp trong nước.

- Sở Nội vụ phân tích, đánh giá việc cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá lợi thế cạnh tranh của Đồng Nai trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp.
- Sở Công thương đánh giá lợi thế cạnh tranh của Đồng Nai trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

II. Đối với việc rà soát, phân tích, đề xuất giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI của Đồng Nai:

Năm 2014, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI của Đồng Nai tiếp tục sụt giảm. Căn cứ kết quả công bố của Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp phân tích sơ bộ các chỉ số thành phần (dự thảo kèm theo).

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các đơn vị liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Tư Pháp, Sở Công Thương, Sở Thông tin Truyền thông, Sở Tài chính, Ban Quản lý các KCN, Cục Thuế, Cục Hải quan, Tòa án tinh) căn cứ bản phân chia giải trình đối với các đơn vị (Phụ lục kèm theo) và kết quả đánh giá PCI chi tiết của VCCI tại địa chỉ <http://www.pcivietnam.org/>, rà soát đối chiếu tình hình thực tế các lĩnh vực liên quan đến đơn vị mình, đánh giá mức độ phù hợp mà kết quả điểm PCI đã phản ánh, phân tích nguyên nhân, đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian đến.

Các báo cáo nêu trên đề nghị các đơn vị khẩn trương gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/7/2015, để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TH.

2015-ĐCV HQ 29.đm



Bồ Ngọc Thu



**MỤC LỤC: CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN VÀ CÁC ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH
NHIỆM GIẢI TRÌNH.**

(Kèm theo công văn số 1704/SKHĐT-TH ngày 08 tháng 7 năm 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CHỈ SỐ NHẬP THỊ TRƯỜNG	Đơn vị chịu trách nhiệm giải trình
Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị) <i>Thời gian từ khi hồ sơ được coi là hợp lệ và tiếp nhận đến khi nhận được Giấy ĐKDN-số ngày (giá trị trung vị) (Điều tra bổ sung năm 2014)</i>	
Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)	
Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (Giá trị trung vị)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	CÔNG AN TỈNH (thời gian lấy con dấu, THUẾ (thời gian đăng ký hóa đơn, thuế môn bài))
% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	
% DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận Một cửa	
Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	
Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	
Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ CÓ THỰC HIỆN MỘT CỬA
Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	
Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý)	
Không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào (% đồng ý)	
TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ SỰ ÔN ĐỊNH SỬ DỤNG ĐẤT	

Sự thay đổi khung giá đất của tinh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.
Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	
DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	
Tỷ lệ diện tích đất trong tinh có GCNQSD đất chính thức	
% DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	
% diện tích đất trong tinh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (BTNMT)	
DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất dai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	
% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất dai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục	
% DN có nhu cầu được cấp GCNQSĐE nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu	
TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN	
Tiếp cận tài liệu quy hoạch	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Tiếp cận tài liệu pháp lý	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tinh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	CỤC THUẾ
Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tinh đối với quy định pháp luật của Trung ương (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Độ mở của trang web của tinh/ Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tinh	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tinh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TỈNH

Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
% DN truy cập vào website của UBND	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	SỞ TÀI CHÍNH
Các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt (% Đồng ý)	SỞ TÀI CHÍNH
CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NHÀ NƯỚC	
Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	CỤC THUẾ
% DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	
Số cuộc thanh tra, kiểm tra trung vị (tất cả các cơ quan)	
Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	
DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	
Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	
Không thấy bất kì sự thay đổi đáng kể nào (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	
CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC	
Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	

Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	
Công việc được giải quyết sau khi đã trả chi phí không chính thức (% luôn luôn hoặc thường xuyên)/ Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	
Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	
TÍNH NĂNG ĐỘNG	
Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tinh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	
UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	
UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	
Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	
Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)	
DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP	
Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay	SỞ CÔNG THƯƠNG
Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%)/DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%)/DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật (%)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%)/DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	

DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	SỞ CÔNG THƯƠNG
Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	
DN đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	SỞ CÔNG THƯƠNG
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	
DN đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	
Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	
Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	
DN đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	
Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	
DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	
DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	

DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	
ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG	
Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
DN đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm (%)	
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	
% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.	
% tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động	
Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Tỉ lệ người lao động tốt nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLDTBXH)	
Tỉ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động (%) (BLDTBXH)	
% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề	
THIẾT CHẾ PHÁP LÝ	
Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	SỞ TƯ PHÁP
Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	SỞ TƯ PHÁP
Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (Tòa án Tối cao)	TÒA AN
Tỉ lệ % nguyên đơn không thuộc nhà nước trên tổng số	TÒA ÁN TỈNH

nguyên đơn tại Toàn án kinh tế tỉnh	
Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	
Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	
Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	
Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	
Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	
Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	TÒA ÁN TỈNH
DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	
<i>Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC) (Chi tiêu mới 2014)</i>	
CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG	
Việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của ban" (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	
Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	
Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	
Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	
Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Tinh ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	
Tinh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	

	TẤT CẢ ĐƠN VỊ
Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	
Miễn giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	
Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	
Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh (% đồng ý)	
"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% đồng ý)	
Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	



(Kèm theo văn bản số 1704/SKHĐT-TH ngày 08/4/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

VỀ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

I. Tổng hợp chung chỉ số PCI Đồng Nai qua các năm:

CHỈ SỐ	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014
Gia nhập thị trường	8,46	8,18	7,88	6,64	8,49	8,8	7,12	7,41
Tiếp cận đất đai	6,61	6,45	5,05	5,66	6,7	7,24	6,97	5,48
Tính minh bạch	5,8	6,8	6,8	6,26	6,47	6,42	4,93	6,47
Chi phí thời gian	6,42	6,27	7,57	6,27	6,8	6,01	6,93	6,53
Chi phí không chính thức	6,65	7,2	626	5,76	7,69	7,85	8,4	4,87
Tính năng động	6,03	5,89	4,91	5,26	5,86	5,89	5,25	4,22
Hỗ trợ doanh nghiệp	6,05	7,09	6,58	5,87	4,96	3,25	4,74	5,05
Đào tạo lao động	7,33	6,02	5,33	5,66	5,17	5,23	5,26	6,27
Thiết chế pháp lý	4,21	3,81	5,37	5,63	6,47	4,37	4,81	5,29
Cạnh tranh bình đẳng	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	6,26	4,66
PCI	62,33	59,62	63,16	59,49	64,77	62,29	56,93	57,26
Xếp hạng /cả nước	16	15	18	25	9	9	40	42

II. TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN NĂM 2013 VÀ 2014:

CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG	NĂM 2013	NĂM 2014
Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)	10	14
<i>Thời gian từ khi hồ sơ được coi là hợp lệ và tiếp nhận đến khi nhận được Giấy ĐKDN-số ngày (giá trị trung vị) (Điều tra bổ sung năm 2014)</i>		9,5
Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)	7	7
Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (Giá trị trung vị)	30	47,5
% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	8,82%	12%
% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	2,94%	2%
% DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận Một cửa	47,62%	78%
Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	24,89%	43%
Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	26,67%	63%
Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	18,67%	29%
Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	10,67%	27%
Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý)	10,22%	14%
Không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào (% đồng ý)	2,22%	20%
TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ SỰ ÔN ĐỊNH SỬ DỤNG ĐẤT		
Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	80,40%	69%

Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	28,18%	27%
DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	3,01	2,45
Tỷ lệ diện tích đất trong tinh có GCNQSD đất chính thức		
% DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	77,48%	38,37%
% diện tích đất trong tinh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (BTNMT)	93,20	93,17
DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	52,17%	16%
% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục	34,78%	50%
% DN có nhu cầu được cấp GCNQSĐĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhưng nhiễu	12,50%	19%
TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN		
Tiếp cận tài liệu quy hoạch	2,68	2,13
Tiếp cận tài liệu pháp lý	3,16	3,03
Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tinh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	33,33%	65%
Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	47,32%	50%
Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tinh đối với quy định pháp luật của Trung ương (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	3,79%	5%
Độ mở của trang web của tinh/ Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tinh	33	40
Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tinh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	20,47%	42%

Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	2,68	2,13
Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	3,16	3,03
% DN truy cập vào website của UBND	44,70%	66%
Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	41,67%	88%
Các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt (% Đồng ý)	30,00%	64%
CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NHÀ NƯỚC		
Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	80,09%	58%
Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	4	3
% DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	7,88%	33,04%
Số cuộc thanh tra, kiểm tra trung vị (tất cả các cơ quan)	1	1
Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	60,10%	49%
DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	73,04%	60%
Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	61,65%	46%
Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	92,12%	87%
Không thấy bất kì sự thay đổi đáng kể nào (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	80,71%	6%
CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC		
Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phi không chính thức (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	44,44%	68%

% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	1,49%	6%
Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	21,29%	74%
Công việc được giải quyết sau khi đã trả chi phí không chính thức (% luôn luôn hoặc thường xuyên)/ Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	72,63%	64%
Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	89,34%	74%
TÍNH NĂNG ĐỘNG		
Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tinh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	33,80%	29%
UBND tinh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	52,91%	65%
UBND tinh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	48,31%	56%
Có những sáng kiến hay ở cấp tinh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	42,70%	79%
Lãnh đạo tinh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	31,18%	60%
Phản ứng của tinh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)	46,04%	37%
DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP		
Số hội chợ thương mại do tinh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay	5	12
Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%)/DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	31,41%	41%
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%)/DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật (%)	43,33%	29%

Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%) / DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	70,00%	60%
DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	16,86%	34%
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	58,62%	55%
Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	65,52%	60%
DN đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	10,30%	21%
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	23,53%	21%
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	35,29%	42%
DN đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	9,70%	29%
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	50,00%	50%
Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	25,00%	26%
Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	1,01%	1%
Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	48,78%	52%
DN đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	22,10%	31%
Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	52,50%	49%
Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	52,50%	68%

DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	18,24%	27%
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	51,61%	34%
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	45,16%	63%
DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	10,84%	22%
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	44,44%	31%
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	38,89%	31%
ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG		
Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	50,86%	56,25%
Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	46,06%	38,84%
DN đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm (%)	14,04%	25,62%
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	54,17%	58%
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	54,17%	55%
% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.	2,35	4,23
% tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động	2,25	2,76
Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	97,34%	95%
Tỉ lệ người lao động tốt nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLĐTBXH)	4,78%	4%
Tỉ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao	7,59%	7%

đăng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động (%)(BLĐTBXH)		
% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề	30,78	35,46
THIẾT CHẾ PHÁP LÝ		
Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	30,67%	27%
Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	78,99%	77%
Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tinh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (Tòa án Tối cao)	1,89	1,04
Tỉ lệ % nguyên đơn không thuộc nhà nước trên tổng số nguyên đơn tại Toàn án kinh tế tỉnh	93,33%	86%
Tòa án các cấp của tinh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	82,80%	80%
Tòa án các cấp của tinh xét xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	66,27%	54%
Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	63,86%	56%
Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	78,31%	69%
Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	77,38%	74%
Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	76,92%	71%
DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	62,75%	53%
Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm(TATC) (Chi tiêu mới 2014)		66%
CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG		
Việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của ban” (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	26,79%	34%

Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	21,25%	22%
Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	23,75%	24%
Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	15,00%	17%
Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	35,00%	19%
Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	48,75%	22%
Tinh ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	30,37%	49%
Tinh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	29,52%	55%
Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	8,44%	39%
Miễn giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	8,44%	32%
Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	9,33%	30%
Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh (% đồng ý)	13,33%	34%
"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% đồng ý)	93,02%	76%
Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	25,77%	46%